

THÔNG TƯ

**Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số 116/2017/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các ô tô được nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô vào Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài* là cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật được nước ngoài chấp thuận, thừa nhận, công nhận có chức năng phát hành: giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô; tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu; giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

2. *Ô tô cùng kiểu loại* là các xe ô tô có cùng đặc điểm được xác định theo nguyên tắc nêu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. *Báo cáo thử nghiệm khí thải* là tài liệu do cơ sở thử nghiệm chuyên ngành của Việt Nam cấp cho ô tô mẫu hoặc động cơ ô tô mẫu theo quy định.

4. *Báo cáo thử nghiệm an toàn* là tài liệu do cơ sở thử nghiệm chuyên ngành của Việt Nam cấp cho ô tô mẫu theo quy định.

5. *Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng* là tài liệu của nhà sản xuất ô tô nước ngoài cấp cho từng chiếc ô tô trong đó có các thông tin sau: số khung (số VIN); số động cơ; thông số kỹ thuật cơ bản tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; kiểu loại xe xuất xưởng theo giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô.

6. *Thủ tục đăng kiểm điện tử* là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm.

7. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm* là hệ thống thông tin do Cơ quan kiểm tra quản lý để thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

8. *Hệ thống khai đăng kiểm điện tử* là hệ thống thông tin phục vụ cho doanh nghiệp nhập khẩu khai báo và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan kiểm tra trong quá trình thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

9. *Bản đăng ký kiểm tra điện tử* là một dạng chứng từ điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của doanh nghiệp nhập khẩu.

10. *Sự cố giao dịch điện tử* là trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, hệ thống khai đăng kiểm điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau do nguyên nhân khách quan.

11. *Chứng chỉ chất lượng* là các giấy tờ được quy định từ Phụ lục V đến Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

12. *Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu* là giấy Chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với kiểu loại ô tô hoặc gồm giấy Chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với kiểu loại ô tô và giấy Chứng nhận về bảo vệ môi trường đối với kiểu loại ô tô hoặc kiểu loại động cơ.

13. *Tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng* là kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu theo hệ thống ISO 9001, hệ thống TS 16949, hệ thống chứng nhận của UNECE, EC, EEC và COP hoặc các tài liệu tương đương được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài.

14. *Cơ quan kiểm tra* là Cục Đăng kiểm Việt Nam, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Hồ sơ đăng ký kiểm tra (bản giấy hoặc bản điện tử)

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng gồm:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực đến trước khi xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

c) Bản sao hóa đơn thương mại;

d) Bản sao Bản giải mã số VIN của nhà sản xuất xe (cho kiểu loại chứng nhận lần đầu);

đ) Bản chính Bản thông tin xe cơ giới nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Bản sao tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật xe của nhà sản xuất;

g) Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hồ sơ giấy; số, ngày, tháng, năm của Tờ khai đối với hồ sơ điện tử.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với ô tô nhập khẩu chưa qua sử dụng:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;

c) Bản sao giấy Chứng nhận kiểu loại linh kiện của lốp, gương chiếu hậu, đèn chiếu sáng phía trước, kính được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

d) Bản chính Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài cấp cho từng ô tô;

đ) Bản sao tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu còn hiệu lực được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;

e) Bản sao hóa đơn thương mại;

g) Bản sao Bản giải mã số VIN của nhà sản xuất xe (cho kiểu loại chứng nhận lần đầu);

h) Bản chính Bản thông tin xe cơ giới nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Bản sao tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật xe của nhà sản xuất;

k) Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hồ sơ giấy; số, ngày, tháng, năm của Tờ khai đối với hồ sơ điện tử;

l) Bản sao Báo cáo thử nghiệm khí thải;

m) Bản sao Báo cáo thử nghiệm an toàn.

Điều 5. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm ô tô nhập khẩu

1. Đối với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe theo quy định, cụ thể như sau:

a) Về hồ sơ: kiểm tra tính thống nhất của nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra.

b) Về thực tế: thực hiện kiểm tra đối với xe được đăng ký lưu hành tại các quốc gia thuộc EU, G7, quốc gia có tiêu chuẩn khí thải tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn khí thải hiện hành của Việt Nam. Nội dung kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định, cụ thể như sau:

a) Về hồ sơ: kiểm tra tính đồng nhất về nội dung của các Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; kiểm tra tính thống nhất Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng với giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại trong cùng một kiểu loại ô tô, trong lô xe nhập khẩu doanh nghiệp khai báo.

b) Về thực tế: kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng xe trong lô xe nhập khẩu theo hồ sơ đăng ký kiểm tra; kiểm tra tính đồng nhất của các xe thực tế cùng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu; lấy ngẫu nhiên mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu để đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe thực tế với nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra.

c) Cơ quan kiểm tra lấy ngẫu nhiên 01 xe mẫu hoặc 02 xe mẫu (trong trường hợp doanh nghiệp có yêu cầu dùng 01 mẫu để thử nghiệm an toàn và dùng 01 mẫu để thử nghiệm khí thải) đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu đã được kiểm tra để doanh nghiệp nhập khẩu tự đưa xe đến các cơ sở thử nghiệm. Việc lấy mẫu phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này để doanh nghiệp nhập khẩu xuất trình khi làm việc với cơ sở thử nghiệm.

d) Thử nghiệm khí thải: thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 86: 2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới*” (trừ phép thử bay hơi).

đ) Thử nghiệm chất lượng an toàn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 09:2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô*”; QCVN 10:2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô khách thành phố*”; QCVN 82:2014/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng*” và các quy định của pháp luật hiện hành (trừ thử nghiệm các linh kiện: gương chiếu hậu, kính, đèn chiếu sáng phía trước, lốp, vành hợp kim, vật liệu chống cháy, kết cấu an toàn chống cháy).

Điều 6. Trình tự, cách thức thực hiện

1. Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra

a) Doanh nghiệp nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này và nộp cho cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử. Tại thời điểm đăng ký kiểm tra, doanh nghiệp nhập khẩu phải cung cấp tối thiểu các tài liệu: từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 4 đối với xe đã qua sử dụng; các tài liệu từ điểm a đến điểm i khoản 2 Điều 4 đối với xe chưa qua sử dụng. Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu phải nộp khi đề nghị kiểm tra thực tế, các giấy tờ còn lại của hồ sơ phải được bổ sung trước khi cơ quan kiểm tra cấp chứng chỉ chất lượng.

b) Đối với Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, doanh nghiệp nộp bản sao trên hệ thống trực tuyến và nộp bổ sung bản chính cho cơ quan kiểm tra trước khi kiểm tra xe thực tế.

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra mà doanh nghiệp nhập khẩu nộp trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định, cơ quan kiểm tra xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đủ theo quy định, cơ quan kiểm tra đề nghị doanh nghiệp nhập khẩu bổ sung.

3. Kiểm tra xe

a) Doanh nghiệp nhập khẩu xuất trình ô tô để cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký.

b) Nội dung kiểm tra xe được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 hoặc từ điểm a đến điểm c khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

c) Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày đăng ký kiểm tra xe thực tế mà doanh nghiệp nhập khẩu không xuất trình được xe theo hồ sơ đăng ký để kiểm tra thì cơ quan kiểm tra sẽ tạm thời dừng các thủ tục chứng nhận với hồ sơ đó. Để tiếp tục được thực hiện việc kiểm tra thì doanh nghiệp phải tiến hành các thủ tục đăng ký lại từ đầu.

4. Thử nghiệm mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại

Đối với ô tô chưa qua sử dụng, doanh nghiệp nhập khẩu tự đưa mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu mà cơ quan kiểm tra đã lấy mẫu đến cơ sở thử nghiệm để thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định. Kết quả thử nghiệm là căn cứ để cơ quan kiểm tra cấp chứng chỉ chất lượng.

5. Cấp chứng chỉ chất lượng

Trong thời hạn không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và nhận đủ tài liệu có liên quan để làm căn cứ chứng nhận, cơ quan kiểm tra cấp chứng chỉ chất lượng (bản giấy hoặc bản điện tử) như sau:

a) Cấp giấy Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe trong toàn bộ lô xe nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng đối với ô tô mẫu đưa đi thử nghiệm thì trong giấy Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu có ghi chú “Chiếc xe này đã dùng để thử nghiệm tại Việt Nam”.

b) Cấp Thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi đến cơ quan hải quan để giải quyết theo quy định đối với: các ô tô thuộc cùng kiểu loại trong lô xe nhập khẩu có ít nhất một trong hai kết quả thử nghiệm về khí thải và kết quả thử nghiệm về chất lượng an toàn không đạt yêu cầu

theo quy định; ô tô đã qua sử dụng có kết quả kiểm tra thực tế không đạt hoặc không được đăng ký lưu hành tại các quốc gia thuộc EU, G7, quốc gia có tiêu chuẩn khí thải tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn khí thải hiện hành của Việt Nam.

c) Cấp Thông báo xe cơ giới thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi đến cơ quan hải quan để giải quyết theo quy định.

Điều 7. Xử lý trong quá trình kiểm tra

1. Trường hợp ô tô đã qua sử dụng có sự thay đổi từ nước ngoài về một số thông số kỹ thuật hoặc kết cấu so với xe xuất xưởng ban đầu của nhà sản xuất thì doanh nghiệp nhập khẩu phải xuất trình các tài liệu của cơ quan quản lý phương tiện nước ngoài đối với xe đã thay đổi. Khối lượng toàn bộ của ô tô nhập khẩu trong trường hợp này không được lớn hơn giá trị nêu trong tài liệu của cơ quan quản lý phương tiện nước ngoài.

2. Trường hợp ô tô nhập khẩu bị hư hại trong quá trình vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam, doanh nghiệp nhập khẩu được phép khắc phục một số hạng mục như: thân vỏ, buồng lái, thùng hàng có lớp sơn bị trầy xước; ắc quy không hoạt động.

3. Đối với trường hợp ô tô có dấu hiệu của việc tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung hoặc số VIN (trong trường hợp không có số khung), số động cơ thì cơ quan kiểm tra tiến hành trưng cầu giám định tại cơ quan giám định chuyên ngành để làm căn cứ cho việc cấp chứng chỉ chất lượng. Chi phí cho việc giám định do cơ quan kiểm tra chi trả theo quy định.

4. Trong quá trình kiểm tra, chứng nhận nếu phát hiện ô tô nhập khẩu thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP thì cơ quan kiểm tra ghi nhận bằng chứng xe thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu đối với chiếc xe đó, đồng thời cấp thông báo xe cơ giới thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Việc kiểm tra, phân loại và lấy mẫu đại diện của lô xe đối với các xe khác được tiếp tục thực hiện theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TRIỆU HỒI Ô TÔ

Điều 8. Quy định về triệu hồi ô tô bị lỗi kỹ thuật

1. Ô tô thuộc diện phải triệu hồi gồm:

a) Ô tô triệu hồi theo công bố của nhà sản xuất;

b) Ô tô triệu hồi theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra. Việc yêu cầu triệu hồi của cơ quan kiểm tra được thực hiện trên cơ sở bằng chứng cụ thể, kết quả xác minh các thông tin phản ánh về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu

Trường hợp các ô tô đã đưa ra thị trường có lỗi kỹ thuật phải triệu hồi, doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ cơ quan kiểm tra, doanh nghiệp nhập khẩu phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu không bán ra thị trường các ô tô thuộc diện triệu hồi mà chưa được khắc phục;

b) Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ cơ quan kiểm tra, doanh nghiệp nhập khẩu phải gửi tới cơ quan kiểm tra báo cáo bằng văn bản các nội dung sau: nguyên nhân xảy ra lỗi kỹ thuật; biện pháp khắc phục; số lượng ô tô phải triệu hồi; kế hoạch triệu hồi phù hợp;

c) Tuân thủ theo đúng kế hoạch triệu hồi, đồng thời doanh nghiệp phải công bố thông tin về kế hoạch triệu hồi và danh sách ô tô phải triệu hồi trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, các đại lý bán hàng một cách kịp thời, đầy đủ;

d) Báo cáo bằng văn bản đến cơ quan kiểm tra theo định kỳ 03 tháng và ngay sau thời gian kết thúc triệu hồi theo kế hoạch;

đ) Đối với ô tô thuộc diện triệu hồi mà chưa được cấp chứng chỉ chất lượng, doanh nghiệp nhập khẩu xuất trình bằng chứng chứng minh ô tô thực tế đã thực hiện xong việc sửa chữa khắc phục lỗi theo quy định của nhà sản xuất làm căn cứ để tiến hành thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ô tô nhập khẩu.

3. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra

a) Thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp nhập khẩu về việc tiếp nhận kế hoạch triệu hồi.

b) Yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện việc triệu hồi.

c) Thông tin về ô tô bị triệu hồi trên trang thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra.

d) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện triệu hồi của doanh nghiệp theo kế hoạch.

đ) Tạm dừng các thủ tục chứng nhận chất lượng đối với doanh nghiệp nhập khẩu ô tô không thực hiện trách nhiệm theo quy định từ điểm a đến điểm d khoản 2 Điều này.

e) Cơ quan kiểm tra sẽ xem xét dừng thủ tục chứng nhận chất lượng đối với các ô tô của cùng nhà sản xuất nếu doanh nghiệp nhập khẩu cung cấp được bằng chứng nhà sản xuất đó không phối hợp để thực hiện kế hoạch triệu hồi.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Điều 9. Nguyên tắc phát hành chứng chỉ chất lượng

1. Đối với hồ sơ giấy, các liên của chứng chỉ chất lượng được phát hành gồm: liên lưu, liên sử dụng để giải quyết thủ tục hải quan, liên sử dụng để thu phí trước bạ và đăng ký xe.

2. Đối với hồ sơ điện tử: phát hành bản giấy chứng chỉ chất lượng khi cơ quan có liên quan chưa thực hiện việc kết nối sử dụng dữ liệu điện tử với cơ quan kiểm tra.

3. Chứng chỉ chất lượng cấp cho ô tô nhập khẩu (bản giấy hoặc bản điện tử) được sử dụng vào các mục đích: giải quyết thủ tục hải quan; thu phí trước bạ; đăng ký xe; kiểm định lưu hành lần đầu hoặc để giải quyết các thủ tục khác khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Quy định về cấp lại chứng chỉ chất lượng

1. Chứng chỉ chất lượng được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng.

2. Doanh nghiệp nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ cấp lại chứng chỉ chất lượng trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ quan kiểm tra. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại chứng chỉ chất lượng;
- b) Bản chính chứng chỉ chất lượng (đối với trường hợp bị hỏng).

3. Cách thức cấp lại do bị mất

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan kiểm tra thông báo bằng văn bản gửi doanh nghiệp nhập khẩu và các cơ quan: hải quan, thuế và công an; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cơ quan kiểm tra hướng dẫn doanh nghiệp nhập khẩu hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau 30 ngày, kể từ ngày phát hành Thông báo nêu tại điểm a khoản này, nếu không nhận được phản hồi từ các cơ quan có liên quan, cơ quan kiểm tra sẽ cấp bản sao chứng chỉ chất lượng (bản giấy hoặc bản điện tử); trường hợp không cấp lại, cơ quan kiểm tra có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Cách thức cấp lại do bị hỏng: trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan kiểm tra thực hiện việc cấp lại bản sao chứng chỉ chất lượng trong vòng 04 ngày làm việc (bản giấy hoặc bản điện tử); trường hợp không cấp lại, cơ quan kiểm tra có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu

1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp lệ và hợp pháp của các hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho cơ quan kiểm tra.

2. Đảm bảo giữ nguyên trạng ô tô nhập khẩu để cơ quan kiểm tra thực hiện việc kiểm tra.

3. Phối hợp với cơ quan kiểm tra, cơ sở thử nghiệm trong quá trình kiểm tra, thử nghiệm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên hệ thống khai đăng kiểm điện tử, doanh nghiệp nhập khẩu phải thông báo cho cơ quan quản lý để phối hợp giải quyết.

5. Nộp các khoản phí (giá), lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra

1. Thống nhất phát hành, quản lý chứng chỉ chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, chứng nhận, đảm bảo tính đồng nhất của các xe trong lô chứng nhận đúng với ô tô mẫu, động cơ ô tô mẫu được thử nghiệm.

2. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra chậm nhất 04 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố trong giờ hành chính hoặc 04 giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc tiếp theo đối với những sự cố xảy ra trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật.

3. Thu các khoản phí (giá), lệ phí liên quan tới việc kiểm tra, cấp chứng chỉ chất lượng theo quy định của pháp luật.

4. Lưu trữ hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy đã được điện tử hóa trong thời hạn 05 năm đối với các hồ sơ đã hoàn thiện việc kiểm tra ô tô nhập khẩu.

5. Tổng hợp kết quả kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu để báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở thử nghiệm

1. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật của ô tô theo quy định hiện hành theo đề nghị của doanh nghiệp nhập khẩu.

2. Tổ chức thực hiện, hướng dẫn doanh nghiệp nhập khẩu chuẩn bị ô tô mẫu, động cơ ô tô mẫu để thử nghiệm theo quy định.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2018.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các ô tô nhập khẩu có thời điểm mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Luật Hải quan hoặc về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm

2018 thì được kiểm tra, cấp chứng chỉ chất lượng xe cơ giới nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 31/2011/TT - BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (Thông tư số 31/2011/TT - BGTVT) và Thông tư số 55/2014/TT- BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (Thông tư số 55/2014/TT- BGTVT).

2. Việc kiểm tra chất lượng ô tô nhập khẩu đối với các xe ô tô nhập khẩu về Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm có hiệu lực của Thông tư này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 116/2017/NĐ - CP, quy định tại Thông tư số 31/2011/TT - BGTVT và Thông tư số 55/2014/TT- BGTVT.

3. Các Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới nhập khẩu đã cấp cho xe cơ giới nhập khẩu theo Thông tư số 31/2011/TT - BGTVT và Thông tư số 55/2014/TT - BGTVT vẫn có giá trị sử dụng để giải quyết các thủ tục hải quan, thu phí trước bạ, đăng ký xe, kiểm định lưu hành lần đầu hoặc để giải quyết các thủ tục khác khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để hướng dẫn, xử lý. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ GTVT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Đình Thọ

11